

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 06-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUÂN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hôi thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Đặng Thi Thu Hiền

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị LTH; nơi ĐKNKTT: Số 202 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 30/40 D, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh DMH; nơi cư trú: Số 202 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị LTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị LTH và anh DMH xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014, nhưng đến ngày 28 tháng 5 năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận

kết hôn số 58. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh ngay mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, anh DMH không quan tâm đến gia đình vợ con, nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Bản thân chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh DMH không thay đổi. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay, chị LTH xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh DMH.

Về việc nuôi con: Chị LTH và anh DMH có một con chung là E, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2015, hiện chị đang nuôi. Ly hôn, chị LTH yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị LTH và anh DMH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị LTH xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2021, bị đơn là anh DMH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh DMH xác nhận vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về mọi mặt trong đời sống từ quan điểm, tính cách đến suy nghĩ, lối sống. Mặc dù gia đình đã khuyên giải, khắc phục nhưng không có kết quả. Nay, anh DMH nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2015, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị LTH yêu cầu ly hôn, anh DMH đồng ý.

Về việc nuôi con: Anh DMH xác nhận anh và chị LTH có một con chung E, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2015. Con chung còn nhỏ và đang ở cùng mẹ nên anh DMH đồng ý để chị LTH nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận.

Về việc chia tài sản: Anh DMH xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị LTH và anh DMH được ly hôn; chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, giao con chung E cho chị LTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật; tiền cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, về tài sản chung các bên đều xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết về tiền cấp dưỡng và tài sản chung; đề nghị tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về thẩm quyền:

[1] Chị LTH khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn là anh DMH hiện đang cư trú tại số nhà 202 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của đương sự:

[2] Anh DMH vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị LTH và anh DMH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị LTH và anh DMH qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Hiện chị LTH và anh DMH sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về tình cảm, độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh và kéo dài nhiều năm nay do hai bên bất đồng trong quan điểm sống, anh DMH không quan tâm đến gia đình vợ con. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị LTH và anh DMH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị LTH là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[3] Con chung E, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2015 hiện đang sống cùng chị LTH ổn định, anh DMH đồng ý giao con cho chị Hương nuôi. Xét sự thống nhất

về việc nuôi con của chị LTH và anh DMH là tự nguyện, phù hợp với thực tế, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận giao con chung E, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2015 cho chị LTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị LTH và anh DMH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị LTH và anh DMH đều xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tLTH vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTH và anh DMH được ly hôn.

2. Về việc nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị LTH và anh DMH, giao con E, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2015 cho chị LTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị LTH và anh DMH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị LTH và anh DMH đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010190 ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTH đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- UBND P. B, C, Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến